



## Dự thảo

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021 PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

## **PHẦN I: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021 (tóm tắt)**

### **I. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*(Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán - AASC theo báo cáo số: 040322.006/BCTC.KT3, ngày 04 tháng 3 năm 2022).*

#### **Ý kiến của kiểm toán viên**

*Số: 040322.006/BCTC.KT3*

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương được lập ngày 28 tháng 02 năm 2022 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### ***Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### ***Trách nhiệm của kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đáng giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

Phó Tổng giám đốc

Vũ Xuân Biên (đã ký) ngày 04 tháng 3 năm 2022

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số : 0743-2018-002-1

## 1. Cơ cấu vốn năm 2021

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>01/01/2021</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số cuối năm</u> <u>31/12/2021</u>
	<u>%</u>	<u>VNĐ</u>	<u>%</u>	<u>VNĐ</u>
1.1. Vốn điều lệ:	<b>100</b>	<b>52.500.000.000</b>	<b>100</b>	<b>52.500.000.000</b>
1.2. Tổng số cổ phần:		<b>CP</b>		<b>CP</b>
		<b>5.250.000</b>		<b>5.250.000</b>
Trong đó:				
1.2.1. Số cổ phần của các nhà đầu tư là cán bộ công nhân viên công ty.	62,26	3.268.617	61,66	3.237.275
1.2.2. Số cổ phần của các nhà đầu bên ngoài công ty.	37,74	1.981.383	38,34	2.012.725

## 2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Tấn</u>
2.1. Sản lượng hàng hoá bán ra:	<b>1.440</b> <b>VNĐ</b>
2.2. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	301.730.191.201
2.3. Các khoản giảm trừ:	
2.4. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:	301.730.191.201
2.5. Tổng chi phí:	290.974.618.109
2.6. Tổng lợi nhuận trước thuế:	<b>10.755.573.092</b>
2.7. Lợi nhuận để tính thuế TNDN:	11.040.136.270
2.8. Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: [2.8.1+ 2.8.2 + 2.8.3]	2.208.027.254
Trong đó:	
2.8.1. Thuế TNDN được ưu đãi, miễn giảm (do cổ phần hóa)	0
2.8.2. Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp	2.208.027.254
2.8.3. Chi phí thuế TNDN của năm 2020 và 2021 phải nộp (Cục thuế Hà Nội chưa kiểm tra quyết toán thuế).	0
2.9. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021: [2.6 - 2.8.2]	8.547.545.838
2.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	1.628
2.11. Thù lao của thành viên HĐQT, BKS (không làm việc tại Công ty):	14.960.000
2.12. Lợi nhuận năm 2021 còn lại để trích lập các quỹ và chia cổ tức: [2.6 – (2.8.1 + 2.8.2 + 2.11)]	8.532.585.838

### 3. Một số chỉ tiêu thực hiện năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện năm 2021	TH 2021 so TH 2020 (%)	TH 2021 so KH 2021 (%)
1	2	3	4	5	6	7
1	Tổng doanh thu	331.735.090.042	306.000.000.000	301.730.191.201	90,95	98,60
2	Tổng chi phí	317.838.118.309	292.709.840.862	290.3974.618.109	91,54	99,40
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	13.869.971.733	13.290.159.138	10.755.573.092	77,54	80,93
4	Thuế TNDN	2.833.631.467	2.658.031.828	2.208.027.254	77,92	83,07
5	Nộp ngân sách	10.635.127.158	11.000.000.000	7.899.894.308	74,28	71,82
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.063.340.266	10.632.127.310	8.547.545.838	77,26	80,39
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.107	2.025	1.628	77,27	80,40
8	Thu nhập bình quân/người/tháng	8.572.360	10.337.838	9.074.232	105,85	87,78

Năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn: Nền kinh tế trong nước bị ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, dịch bệnh Covid 19 (SARS-COV-2) bùng phát mạnh trên toàn thế giới và cả ở Việt Nam nên việc nhập hàng cũng như sản xuất hàng hóa để bán gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là thị trường miền Nam.

Nguyên liệu đầu vào giá tăng cao, khan hiếm nên nhiều lúc không mua được; việc cấm sử dụng một số hoạt chất như Glyphosate (Bravo), Chlorpyrifos Ethyl (Victory) và Fipronil (Tango) trong khi các sản phẩm mới thay thế có doanh thu bán hàng thấp vì chưa có vị thế trên thị trường, gây thiệt hại lớn cho doanh nghiệp; thị trường cạnh tranh khốc liệt; chi phí vận chuyển hàng hóa tăng cao; chi phí xét nghiệm SARS-COV-2 phục vụ cho công tác sản xuất và lưu thông hàng hóa tăng; một số giống lúa mới chưa được đưa vào sản xuất kinh doanh do thay đổi trong việc đăng ký. Tuy nhiên HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty đã tích cực chủ động đưa ra nhiều biện pháp nhằm duy trì an toàn, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ người lao động trong toàn Công ty và ủng hộ công tác phòng chống dịch bệnh tại nhiều địa phương trên cả nước. Các chỉ tiêu cơ bản không đạt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua: Tổng doanh thu đạt hơn 301,730 triệu đồng, giảm 1,4% so với kế hoạch và giảm 9,05% so với năm 2020; lợi nhuận trước thuế giảm 19,07% so với kế hoạch và giảm 22,46% so với năm 2020; thu nhập bình quân của người lao động giảm 12,22% so với kế hoạch và tăng 5,85% so năm 2020.

### 4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước

	VNĐ
4.1. Tổng số thuế đã nộp:	<b>7.899.894.308</b>
Trong đó:	
- Thuế giá trị gia tăng (hàng nhập khẩu nước ngoài và trong nước):	2.664.118.695
- Thuế nhập khẩu:	399.306.110
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.354.194.865
- Thuế thu nhập cá nhân:	1.665.219.016
- Thuế đất, các loại thuế khác:	817.055.622

4.2. Tổng số thuế còn phải nộp đến thời điểm 31/12/2021:	<b>1.409.198.683</b>
Trong đó:	
- Thuế giá trị gia tăng:	174.407.156
- Thuế nhập khẩu:	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:	743.959.579
- Thuế thu nhập cá nhân:	491.468.553
- Thuế tài nguyên:	-636.605

#### **5. Đầu tư mua sắm TSCĐ trong năm**

	<b>VND</b>
5.1. Tổng mức đầu tư mới và tăng khác:	9.088.562.837
Trong đó:	
- Đầu tư cho xây dựng cơ bản:	
- Đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện vận tải:	9.088.562.837
5.2. Tổng mức giảm trong năm:	4.705.428.750
Trong đó:	
- Giảm thanh lý:	4.705.428.750
- Giảm khác:	

#### **6. Lao động tiền lương và chính sách đối với người lao động**

	<b>NGƯỜI</b>
Tổng số lao động:	<b>275</b>
Trong đó:	
- Người lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ:	89
- Lao động phục vụ sản xuất:	75
- Lao động làm công tác bán hàng:	111
	<b>VND</b>
Thu nhập bình quân/người/tháng:	<b>9.074.232</b>

#### **7. Đánh giá tỷ suất lợi nhuận sau thuế**

	<b>%</b>
7.1. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu:	2,83
7.2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản:	3,45
7.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu:	8,24
7.4. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ:	16,28

## **II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH GỒM CỐ**

- 01 Bản ý kiến của kiểm toán viên.
- 01 Bảng cân đối kế toán năm 2021 đến thời điểm 31/12/2021.
- 01 Bảng báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 đến thời điểm 31/12/2021.
- 01 Bảng lưu chuyển tiền tệ năm 2021 đến thời điểm 31/12/2021.
- 01 Bảng thuyết minh báo cáo tài chính năm 2021 đến thời điểm 31/12/2021.
- 01 Phụ lục số 01: Tài sản cố định hữu hình.
- Bảng tài sản cố định vô hình.
- Bảng thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn.
- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu.

#### **Báo cáo tài chính đã được gửi đến:**

1. Cơ quan liên quan, gồm:
  - Cục Thuế thành phố Hà Nội.

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Các ngân hàng thương mại có quan hệ giao dịch.
- 2. Công ty:
  - Hội đồng quản trị.
  - Ban kiểm soát.
  - Ban Tổng giám đốc Công ty.

### III. TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG (tại thời điểm 18/3/2022):

Nội dung thông tin cổ đông	Số lượng CP	%/Vốn điều lệ
<b>1. Phân chia theo cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:</b>	<b>5.250.000</b>	<b>100</b>
- Cổ đông lớn (từ 5%/VĐL trở lên):	2.359.112	44,93
- Cổ đông nhỏ:	2.890.888	55,07
<b>2. Phân chia tỷ lệ theo cổ đông tổ chức và cá nhân:</b>	<b>5.250.000</b>	<b>100</b>
- Cổ đông tổ chức:	24.000	0,46
- Cổ đông cá nhân:	5.226.000	99,54
<b>3. Phân chia theo cổ đông trong nước và nước ngoài:</b>	<b>5.250.000</b>	<b>100</b>
- Cổ đông trong nước:	5.250.000	100
- Cổ đông nước ngoài:	0	0
<b>4. Phân chia theo cổ đông ngoài và cổ đông trong Công ty</b>	<b>5.250.000</b>	<b>100</b>
- Cổ đông bên ngoài:	2.012.725	38,34
- Cổ đông là cán bộ công nhân viên công ty:	3.237.275	61,66
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.250.000</b>	<b>100</b>

### IV. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; căn cứ khoản 3 Điều 7 Thông tư số 187/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính (Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận); căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất **Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2021** như sau:

#### 1. Phân phối lợi nhuận

Chỉ tiêu	VND
1.1. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN:	8.547.545.838
1.2. Thù lao của thành viên HĐQT, BKS (không làm việc tại Công ty):	14.960.000
1.3. Lợi nhuận còn lại để phân phối, trích lập các quỹ và chia cổ tức:	8.532.585.838

#### 2. Trích lập các quỹ

	%	VND
2.1. Lợi nhuận năm 2021 còn lại để phân phối, trích lập các quỹ và chia cổ tức:	100	8.532.585.838
Trích lập các quỹ. Trong đó:		
- Quỹ đầu tư phát triển:	10	853.258.584
- Quỹ khen thưởng phúc lợi:	5	426.629.292
2.2. Lợi nhuận năm 2021 còn lại sau khi trích lập các quỹ:	85	7.252.697.962
2.3. Lợi nhuận năm 2020 để lại chuyển sang năm 2021:		8.773.934.767
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN của năm 2020 và 2021 phải nộp (Cục thuế Hà Nội chưa kiểm tra quyết toán thuế):		
- Chi nộp thuế TNDN khác:		0

2.4. Lợi nhuận còn lại năm 2020 chuyển sang năm 2021:	8.773.934.767
2.5. Tổng lợi nhuận: Lợi nhuận còn lại lũy kế đến năm 2020 + Lợi nhuận năm 2021 (2.2 + 2.4):	16.026.632.729
2.6. Lợi nhuận năm 2021 để lại chuyển sang năm 2022:	8.939.132.729
<b>2.7. Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức năm 2021:</b>	<b>7.087.500.000</b>

### 3. Chia cổ tức

	%	VNĐ
3.1. Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức năm 2021:		<b>7.087.500.000</b>
3.2. Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ:	<b>13,5</b>	

## V. PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO CHO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Kết quả chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020	%	VNĐ
Kế hoạch (Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020: Mức thù lao cho HĐQT và BKS/lợi nhuận còn lại để phân phối, trích lập các quỹ và chia cổ tức)	1,2	132.760.083
Thực tế chi trả	1,05	116.164.000
2. Dự kiến chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2021		
Kế hoạch (Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021: Mức thù lao cho HĐQT và BKS/lợi nhuận còn lại để phân phối, trích lập các quỹ và chia cổ tức)	1,2	102.570.550
Phương án chi trả thù lao cho HĐQT và BKS	0,9	76.840.000

## PHẦN II: PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

### 1. Tình hình kinh tế năm 2022

- Nền kinh tế trong nước bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid 19 (SARS-COV-2) vẫn đang diễn biến phức tạp trên toàn thế giới và cả ở Việt Nam. Điều này gây rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật nói riêng, trong đó có Công ty chúng ta, bởi phần lớn nguyên liệu hàng hóa phải nhập khẩu từ nước ngoài.

- Khủng hoảng địa chính trị (xung đột Nga-Ukraine) chắc chắn ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng: giá dầu có thể tăng cao ảnh hưởng đến giá nguyên liệu đầu vào, chi phí vận chuyển tăng; chuỗi lưu thông hàng hóa có thể bị gián đoạn, đứt gãy...

- Biến đổi khí hậu, đặc biệt là tình hình xâm nhập mặn ở các tỉnh phía Nam đang diễn ra gay gắt, gây thiệt hại nghiêm trọng cho nền sản xuất nông - lâm nghiệp nước nhà.

- Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật ngày càng khốc liệt, trong khi đó dịch hại ít xuất hiện.

- Nhiều sản phẩm chủ lực của Công ty đã và sẽ bị loại ra khỏi danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, trong khi việc đăng ký sản phẩm mới gặp nhiều khó khăn, mất nhiều thời gian và chi phí.

- Trước tình hình khó khăn nêu trên, **Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty tập trung quản lý chặt chẽ chi phí, hạn chế rủi ro về công nợ, kiên quyết thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí để quyết tâm phấn đấu thực hiện đạt kế hoạch đề ra. Cụ thể như sau:**

### 2 Kế Phương án sản xuất kinh doanh 2022

	<b>TÂN</b>	
<b>2.1. Sản lượng:</b>	<b>1.512</b>	
	<b>VND</b>	
<b>2.2. Tổng doanh thu:</b>	<b>311.000.000.000</b>	
Trong đó:		
- Doanh thu giống cây trồng:	2.920.989.072	
- Doanh thu thuốc trừ sâu:	74.491.461.994	
- Doanh thu thuốc trừ bệnh:	62.896.343.936	
- Doanh thu thuốc trừ cỏ:	153.246.027.131	
- Doanh thu thuốc trừ ốc:	9.508.259.400	
- Doanh thu phân bón, điều hòa sinh trưởng cây trồng:	7.936.918.467	
<b>2.3. Chi phí:</b>	<b>299.113.391.821</b>	
- Chi phí giá vốn:	239.470.000.000	
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:	43.451.391.821	
- Chi phí lãi vay và các chi phí khác:	6.240.000.000	
- Chi phí hỗ trợ bán hàng:	6.220.000.000	
- Chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm:	3.732.000.000	
<b>2.4. Tổng lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>11.886.608.179</b>	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.377.321.636	
- Lợi nhuận sau thuế TNDN:	9.509.286.543	
- Lợi nhuận còn lại để phân phối, trích lập các quỹ và chia cổ tức:	9.509.286.543	
<b>2.5. Trích lập các quỹ:</b>		
	<b>%</b>	<b>VND</b>
- Lợi nhuận còn lại để phân phối, trích lập các quỹ và chia cổ tức:	100	9.509.286.543
+ Quỹ đầu tư, phát triển:	10	950.928.654
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	5	475.464.327
+ Lợi nhuận còn lại năm 2022 sau khi đã trích lập các quỹ:	85	8.082.893.562
- Lợi nhuận còn lại năm 2021 chuyển sang 2022		8.939.132.729
- Lợi nhuận của năm 2022 để lại chuyển sang năm 2023:		9.147.026.291
- Lợi nhuận để chia cổ tức năm 2021:		7.875.000.000
<b>- Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ:</b>	<b>15</b>	
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: đ/1 cổ phiếu		<b>1.811,2</b>
<b>2.6. Nộp ngân sách nhà nước:</b>		<b>VND</b>
Nộp ngân sách nhà nước năm 2022		8.000.000.000
<b>2.7. Kế hoạch đầu tư:</b>		<b>90.000.000.000</b>
- Mua sắm tài sản cố định (đầu tư máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị cho xưởng sản xuất; thuê đất và xây dựng nhà máy chế biến		87.000.000.000

giống cây trồng và gia công, sang chai, đóng gói vật tư bảo vệ thực vật, tiếp tục triển khai áp dụng phần mềm quản trị doanh nghiệp):	
- Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh:	3.000.000.000
<b>2.8. Kế hoạch nguồn vốn:</b>	<b>29.400.128.576</b>
a. Vốn đầu tư chủ sở hữu:	<b>57.226.360.000</b>
Trong đó:	
+ <i>Vốn điều lệ:</i>	52.500.000.000
+ <i>Thặng dư vốn:</i>	4.726.360.000
b. Vốn vay:	<b>169.200.000.000</b>
c. Vốn khác:	
Trong đó:	<b>29.173.702.216</b>
<i>Vốn chủ sở hữu (chuyển từ quỹ PTSX đầu tư mua sắm TSCĐ):</i>	29.173.702.216
<b>2.9. Lao động tiền lương và chính sách đối với người lao động:</b>	
	<b>NGƯỜI</b>
a. Tổng số lao động:	<b>275</b>
Trong đó:	
- <i>Người lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ:</i>	89
- <i>Lao động trực tiếp sản xuất:</i>	75
- <i>Lao động làm công tác bán hàng:</i>	111
	<b>VND</b>
b. Thu nhập bình quân/người/tháng:	<b>11.309.091</b>

### 3. Kế hoạch chi trả tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022

Kế hoạch chi trả tổng mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2022 là 1,2%/lợi nhuận còn lại để phân phối, trích lập các quỹ và chia cổ tức.

### 4. Kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán

Ban kiểm soát Công ty trình Đại hội cổ đông lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập là *Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC* để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2022./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*Phan Văn Tùng*